

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày: 05 - 02 - 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L – HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Lượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Hải.

Bà Phan Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châm – kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST – HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST – HS ngày 22/01/2018 đối với bị cáo:

Trịnh Đức B, sinh ngày 17/02/1975

Nơi cư trú: Đội B, thôn S, xã T, huyện C, Thành phố H.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12

Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Trịnh Đức X và bà Nguyễn Thị N (đã chết)

Có vợ (đã ly hôn) Bùi Thị H – sinh năm 1983 và con: 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2015 (đã chết)

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2017 đến ngày 27/11/2017 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Bạch Chí Đ – sinh năm 1960.

Trú tại: Xóm S, xã T, huyện L, tỉnh H.

- Người làm chứng:

1/ Anh Hoàng Thanh H1 – sinh năm 1981

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh H.

2/ Chị Bùi Thị N– sinh năm 1958

Trú tại: Xóm S, xã T, huyện L, tỉnh H.

3/ Anh Bạch Văn Đ – sinh năm 1982

Trú tại: Xóm S, xã T, huyện L, tỉnh H

4/ Ông Trịnh Đức T– sinh năm 1960

Trú tại: Đội B, thôn S, xã T, huyện C, Thành phố H.

5/ Chị Bùi Thị H – sinh năm 1983

Trú tại: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 06/6/2017 Trịnh Đức B gọi điện thoại cho anh Hoàng Thanh H1 và hỏi về sinh nhật cháu Hoàng Thị L là con riêng của vợ B. Sau khi hỏi, B được biết là có ông Bạch Chí Đ cũng uống rượu ở nhà vợ B. Do có nghi ngờ về quan hệ giữa vợ B và ông Đ nên B lấy xe máy Vision màu trắng và cầm theo 01 túi đồ đựng cụ sửa chữa trong đó có kéo, tô vít đi thẳng vào nhà ông Đ tại xóm S, xã T, huyện L. Khi đến nhà B gặp bà N là vợ ông Đ và nói “Không biết bao nhiêu lần ông Đ lòng thòng với vợ của tôi kia kìa”, bà N nói “không biết ông Đ đi đâu”, B nói “đang ở nhà cái H kia kìa”. Sau đó, B mặc áo mưa đi ra phía trường cấp I T thì gặp ông Đ vừa từ trong nhà chị H đi ra. B quay xe máy đuổi theo, lấy kéo trong túi đồ ra, đi sát vào lề đường bên phải hướng B đi B1 ép sát vào ông Đ và dùng tay trái cầm kéo đâm một cái vào mạn sườn bên phải của ông Đ rồi quay xe máy đi về hướng B ra X bỏ trốn. Còn ông Đ tự đi về nhà và được mọi người đưa lên bệnh viện chữa trị.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 110/ PY - GĐTT ngày 26/6/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh H kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Bạch Chí Đ do thương tích gây nên hiện tại là 28%.

Bản cáo trạng số 03/CT - VKS ngày 11/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố Trịnh Đức B về tội cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Viện

kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng đ khoản 2 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 65 BLHS xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 đến 60 tháng.

- Về vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS tịch thu tiêu hủy 2 chiếc áo tang vật không còn giá trị sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho người bị hại và không có yêu cầu thêm nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Đức B đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với cáo trạng cùng với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ phản ánh trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo thể hiện:

Do có nghi ngờ ông Bạch Chí Đ có quan hệ tình cảm với vợ B là chị H, nên khi biết ông Đ đang uống rượu trong nhà chị H, Trịnh Đức B lấy xe máy và cầm theo 01 túi đồ làm nghề của bị cáo trong đó có kéo, tô vít đi thẳng vào nhà ông Đ tại xóm S, xã T, huyện L nói với vợ ông Đ về chuyện giữa ông Đ và chị H. Sau đó B đi ra phía trường cấp I T thì gặp ông Đ vừa từ trong nhà chị H đi ra. B quay xe máy đuổi theo, lấy kéo trong túi đồ ra, đi sát vào lề đường bên phải hướng B đi B1 ép sát vào ông Đ và dùng tay trái cầm kéo đâm vào mạn sườn bên phải của ông Đ một cái rồi quay xe máy đi về hướng B ra X bỏ trốn.

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo dùng kéo đâm gây thương tích 28% tổn hại sức khỏe cho người khác đã cấu thành tội “ Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra vào ngày 06/6/2017, thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực. Tuy nhiên hình phạt tại khoản 2 điều 134 BLHS 2015 nhẹ hơn so với hình phạt tại khoản 2 điều 104 BLHS 1999. Do vậy căn cứ vào điểm b, khoản 1 điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc thi hành BLHS 100/2015/QH13 cần áp dụng BLHS 2015 để xét xử có lợi cho bị cáo.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm sức khỏe của người khác, ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn nên phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

[6] Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, dùng kéo là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác, do vậy cần phải có hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên HĐXX xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả. Người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi bỏ trốn bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú khai nhận hành vi của mình. Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng, đồng thời anh ruột bị cáo là liệt sĩ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. HĐXX xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục, cải tạo bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Trịnh Đức B đã bồi thường cho người bị hại ông Bạch Chí Đ 30.000.000 đồng, người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 áo sơ mi dài tay, màu hồng nhạt, 01 chiếc áo ba lỗ màu trắng.

Đây là các vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9]Về án phí, bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo: Trịnh Đức B phạm tội “ Cố ý gây thương tích”

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 65 BLHS 2015:

Xử phạt bị cáo 24 (Hai tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trịnh Đức B cho UBND xã T, huyện C, Thành phố H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Trịnh Đức B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 BLTTHS

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay, màu hồng nhạt; 01 chiếc áp ba lỗ màu trắng. Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2018 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh H.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của BLTTHS và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trịnh Đức B phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án này theo trình tự phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện L;
- C.A huyện L;
- UBND TT X.;
- Bị cáo;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Kim Lượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

